

CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA TRONG MÔ HÌNH KINH TẾ ĐA KHU VỰC

Đào Thị Bích Thủy^(*)

I. Giới thiệu

Một đặc điểm có thể dễ thấy trong các nền kinh tế đang phát triển là nền kinh tế đa khu vực. Nền kinh tế đa khu vực tồn tại các khu vực kinh tế khác nhau như kinh tế tư nhân, kinh tế tập thể, kinh tế Nhà nước và khu vực kinh tế có vốn nước ngoài... Trong các khu vực kinh tế, hình thức vận động kinh tế có thể khác nhau. Sự khác biệt này được thể hiện trong hình thức sở hữu vốn, phương thức hay công nghệ sản xuất, mục tiêu hoạt động (như tối đa hóa lợi nhuận, doanh thu hay đơn thuần tạo việc làm và phát triển sản xuất). Vậy với sự đa dạng trên, nền kinh tế có hoạt động một cách hiệu quả không? Tính hiệu quả ở đây được nhìn nhận trên cơ sở phân bổ nguồn lực. Một nền kinh tế được xét là có hiệu quả khi ở mức hữu nghị (toàn dụng nguồn lực) nền kinh tế đạt được mức sản lượng tiềm năng của nó. Một khi nền kinh tế thất bại trong việc đạt được kết quả tối ưu, liệu sự can thiệp của chính phủ có là cần thiết và chính phủ nên can thiệp bằng cách nào?

Nghiên cứu này tiếp cận vấn đề theo phương pháp phân tích mô hình. Ở đây chúng ta sẽ áp dụng mô hình tăng trưởng tân cổ điển (thể loại mô hình tăng trưởng của Solow và mô hình tăng trưởng khu vực kép của Lewis). Về kết cấu nghiên cứu,

chúng ta sẽ bắt đầu bằng việc phát triển mô hình; trong đây sẽ tập trung vào phân tích nền kinh tế hoạt động tự do và nền kinh tế có sự can thiệp của chính phủ. Phần kết luận sẽ tóm tắt những kết quả tìm được.

II. Phát triển mô hình

1. Nền kinh tế hoạt động tự do

Xét một nền kinh tế gồm hai khu vực khác nhau: khu vực công và khu vực tư nhân sử dụng hai yếu tố sản xuất là vốn và lao động để sản xuất ra một loại hàng hóa duy nhất. Công nghệ sản xuất được thể hiện dưới dạng hàm Cobb-Douglas thỏa mãn các điều kiện tân cổ điển chuẩn:

$$Y_{1,t} = K_{1,t}^{\alpha} L_{1,t}^{1-\alpha} \quad \text{khu vực công} \quad (1)$$

$$Y_{2,t} = K_{2,t}^{\beta} L_{2,t}^{1-\beta} \quad \text{khu vực tư nhân} \quad (2)$$

trong đó Y là sản lượng, K là trữ lượng vốn và L là lao động, t biểu thị thời kỳ đang xét.

Sự vận động của nền kinh tế trong một thời kỳ

Có hai đặc điểm chính giữa hai khu vực sản xuất. Thứ nhất là sự khác biệt trong công nghệ sản xuất và thứ hai là sự khác biệt trong hình thức sở hữu vốn. Sự khác biệt trong công nghệ sản xuất được thể hiện bởi yếu tố cường độ sử dụng vốn

^(*) TS., Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

$\alpha \neq \beta$. Sự vận dụng không đồng bộ công nghệ sản xuất trong các khu vực kinh tế một phần là do quyền sở hữu công nghệ. Giả thiết rằng khu vực tư nhân có bản quyền sử dụng công nghệ với cường độ sử dụng vốn lớn $\beta > \alpha$.

Trong khu vực công, vốn thuộc sở hữu công. Sản lượng làm ra trong mỗi thời kỳ sau khi được trích một phần nghĩa vụ để dành cho việc đầu tư tích lũy vốn mở rộng sản xuất sẽ được trả cho lao động tính theo bình quân lao động. Do vậy mức lương trả cho lao động sẽ là:

$$w_{1_t} = (1 - \theta)Y_{1_t} / L_{1_t} = (1 - \theta)K_1^\alpha L_{1_t}^{-\alpha} \quad (3)$$

trong đó θ là tỷ trọng sản lượng dành cho đầu tư vốn.

Trong khu vực tư nhân, vốn thuộc sở hữu tư nhân. Nhà tư bản là người sở hữu vốn và thuê lao động để sản xuất ra hàng hóa. Vốn là nguồn thu nhập của nhà tư bản nên họ có động cơ tích lũy vốn để tăng nguồn thu nhập của mình. Các doanh nghiệp trong khu vực tư nhân được giả thiết là tối đa hóa lợi nhuận nên vốn và lao động sẽ được trả theo năng suất biên của chúng:

$$r_t = \beta K_{2_t}^{\beta-1} L_{2_t}^{1-\beta} \quad (4)$$

$$w_{2_t} = (1 - \beta)K_{2_t}^\beta L_{2_t}^{-\beta} \quad (5)$$

Khác với vốn, lao động được tự do di chuyển giữa hai khu vực. Giả thiết rằng lao động là như nhau về chất lượng, trình độ và kỹ năng và tự do tham gia sản xuất trong bất kỳ khu vực nào. Thông thường lao động có khuynh hướng đổ từ những nơi có thu nhập thấp đến những nơi có thu

nhập cao. Hai khu vực do vậy sẽ phải cạnh tranh trên thị trường lao động để thu hút nhân công. Cân bằng thị trường lao động đạt được khi mức lương trả giữa hai khu vực là như nhau:

$$w_{1_t} = w_{2_t} \quad (6)$$

Gọi x_t là tỷ phần lao động được thuê trong khu vực tư nhân. Giả sử lực lượng lao động là cố định theo thời gian. Khi đó lượng lao động được sử dụng trong khu vực công và khu vực tư nhân là:

$$L_{1_t} = (1 - x_t)L \quad (7)$$

$$L_{2_t} = x_t L \quad (8)$$

Từ các phương trình (3), (5) và (6), (8) ta xác định được phương trình phân bố lao động giữa hai khu vực:

$$\frac{x_t^\beta}{(1 - x_t)^\alpha} = \frac{1 - \beta}{1 - \theta} \frac{K_{2_t}^\beta}{K_1^\alpha} L^{\alpha - \beta} \quad (9)$$

Sản lượng của nền kinh tế bằng tổng sản lượng của hai khu vực

$$Y_t = Y_{1_t} + Y_{2_t} = (1 - x_t)^{1-\alpha} K_1^\alpha L^{1-\alpha} + x_t^{1-\beta} K_{2_t}^\beta L^{1-\beta} \quad (10)$$

Như vậy nền kinh tế hoạt động tự do sẽ cho mức sản lượng là:

$$Y_t^F = (1 - x_t)^{1-\alpha} K_1^\alpha L^{1-\alpha} + x_t^{1-\beta} K_{2_t}^\beta L^{1-\beta} \quad (11)$$

trong đó x_t là nghiệm của phương trình (9).

Nhận xét hàm Y theo x của phương trình (10) ta thấy:

$$\frac{dY}{dx} = -(1 - \alpha)(1 - x)^{-\alpha} K_1^\alpha L^{1-\alpha} + (1 - \beta)x^{-\beta} K_{2_t}^\beta L^{1-\beta}$$

$$\frac{dY}{dx} = 0 \text{ khi } \frac{x_t^\beta}{(1-x_t)^\alpha} = \frac{1-\beta}{1-\alpha} \frac{K_2^\beta}{K_1^\alpha} L^{\alpha-\beta}$$

$$\frac{d^2Y}{dx^2} = -\alpha(1-\alpha)(1-x)^{-\alpha-1} K_1^\alpha L^{1-\alpha} - \beta(1-\beta)x^{-\beta-1} K_2^\beta L^{1-\beta} < 0 \quad (12)$$

Y đạt giá trị cực đại khi x đạt giá trị bằng nghiệm của phương trình (12), hay:

$$Y_t^{\max} = (1-x_t)^{1-\alpha} K_1^\alpha L^{1-\alpha} + x_t^{1-\beta} K_2^\beta L^{1-\beta} \quad (13)$$

trong đó x_t là nghiệm của phương trình (12).

So sánh (9) và (12) ta thấy trừ khi $\alpha = \theta$, giá trị của x_t trong nền kinh tế hoạt động tự do không bằng giá trị của x_t cho mức sản lượng tối đa. Điều này dẫn đến $Y_t^F < Y_t^{\max}$ hay nói cách khác nền kinh tế tự do không cho mức sản lượng tối đa tiềm năng của nó; tức là nền kinh tế hoạt động không hiệu quả.

Mệnh đề 1: Mức sản lượng của nền kinh tế hoạt động tự do luôn nhỏ hơn mức sản lượng tối đa tiềm năng của nó.

2. Nền kinh tế có sự can thiệp của chính phủ

Trong trường hợp $\theta \neq \alpha$, nền kinh tế tự do thất bại trong việc đạt được mức sản lượng tối đa. Tính mất hiệu quả của nền kinh tế thể hiện ở sự phân bố nguồn lao động không hiệu quả giữa hai khu vực. Sự can thiệp của chính phủ là hữu hiệu khi nó có thể giúp định hướng lại sự phân bố nguồn lực hiệu quả. Một trong những biện pháp mà chính phủ có thể sử dụng là chính sách tài khoá. Ta hãy xem xét chính sách thuế sản lượng.

Chính sách thuế sản lượng

Giả sử chính phủ đánh mức thuế suất τ_1 vào sản lượng của khu vực công và τ_2 vào sản lượng của khu vực tư nhân. Sản lượng sau khi trả thuế của khu vực công và khu vực tư nhân là:

$$(1-\tau_1)Y_1 = (1-\tau_1)K_1^\alpha L_1^{1-\alpha} \quad (14)$$

$$(1-\tau_2)Y_2 = (1-\tau_2)K_2^\beta L_2^{1-\beta} \quad (15)$$

Thực hiện phân tích như ở trên ta có thể xác định được phương trình cân bằng thị trường lao động khi mức lương trả giữa hai khu vực là như nhau:

$$\frac{x_t^\beta}{(1-x_t)^\alpha} = \frac{(1-\beta)(1-\tau_2)}{(1-\theta)(1-\tau_1)} \frac{K_2^\beta}{K_1^\alpha} L^{\alpha-\beta} \quad (16)$$

Sự phân bố lao động tối ưu theo phương trình (12) luôn cho mức sản lượng tối đa. Như vậy để đạt được mức sản lượng này, chính sách thuế tối ưu được xác định sao cho có tác động hướng sự phân bố lao động theo cách hiệu quả. Đặt cân bằng phương trình (12) với phương trình (15) ta có

$$\tau_1 = \frac{(\alpha-\theta) + (1-\alpha)\tau_2}{1-\theta} \quad (17)$$

Ta nhận thấy rằng tổ hợp thuế chỉ phụ thuộc vào cường độ sử dụng vốn của khu vực công mà không phụ thuộc vào cường độ sử dụng vốn của khu vực tư nhân.

Mệnh đề 2: Chính sách thuế sản lượng tối ưu theo công thức:

$$\tau_1 = \frac{(\alpha-\theta) + (1-\alpha)\tau_2}{1-\theta} \text{ có thể giúp nền kinh tế đạt được mức sản lượng tiềm năng của nó.}$$

Phân phối thu nhập

Trong khu vực tư nhân, thu nhập của nhà tư bản có được từ trữ lượng vốn do họ sở hữu.

$$Y_{K_1} = r_t K_{2_t} = (1 - \tau_2) \beta Y_{2_t} \quad (18)$$

Thu nhập của người lao động bằng tổng số thu nhập của lao động trong khu vực tư nhân và khu vực công

$$Y_{L_t} = (1 - \tau_1)(1 - \theta)Y_{1_t} + (1 - \tau_2)(1 - \beta)Y_{2_t} \quad (19)$$

Doanh thu thuế của chính phủ:

$$T_t = \tau_1 Y_{1_t} + \tau_2 Y_{2_t} \quad (20)$$

Bảng 1

	τ_2	τ_1	Y_K	Y_L	T	Sản lượng Y
Nền kinh tế tự do	0	0	17,91	86,69	0	112,91
Chính sách thuế tối ưu	0	0,44	24,65	53,69	33,11	115,59
	0,05	0,47	23,42	51	37,24	
	0,1	0,5	22,19	48,32	41,36	
	0,274	0,597	17,91	39	55,67	
	0,3	0,611	17,25	37,58	57,86	

trong đó τ_1 , τ_2 là mức thuế suất đánh vào khu vực công và khu vực tư nhân, Y_K là thu nhập của nhà tư bản, Y_L là thu nhập của người lao động và T là doanh thu thuế của chính phủ.

Giải thích Bảng 1, với các tham số được chọn số liệu như trên, nền kinh tế hoạt động tự do cho mức sản lượng $Y = 112,91$. Nếu chính phủ thực hiện chính sách thuế tối ưu $\tau_1 = \frac{(\alpha - \theta) + (1 - \alpha)\tau_2}{1 - \theta}$ thì

Ta có thể thấy rằng τ_1 và τ_2 tham gia trực tiếp trong các phương trình xác định mức thu nhập của người lao động và nhà tư bản. Do vậy chính phủ có thể sử dụng công cụ thuế này để điều chỉnh sự phân phối thu nhập giữa hai thành phần trong nền kinh tế.

Để phân tích tác động của thuế đến thu nhập của người lao động và nhà tư bản, ta sử dụng phương pháp chạy số liệu thử. Giả sử các số liệu được chọn cho các tham số là như sau: $\alpha = 0,5$, $\beta = 0,6$, $\theta = 0,1$, $K_1 = 80$, $K_2 = 50$ và $L = 100$. Kết quả được trình bày trong Bảng 1.

nền kinh tế luôn đạt được mức sản lượng tối đa $Y_{\max} = 115,59$. Trong chính sách thuế tối ưu τ_1 sẽ phụ thuộc vào τ_2 và sự lựa chọn giá trị cho τ_2 sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phân phối thu nhập giữa người lao động, nhà tư bản và chính phủ. Cho τ_2 có giá trị chạy từ 0 đến 0,3, ta xác định được τ_1 và các giá trị cho Y_K , Y_L và T tương ứng. Ta có những nhận xét sau đây:

Đối với mức thu nhập của nhà tư bản (Y_K): Khi chính phủ áp dụng chính sách

thuế tối ưu song không đánh thuế vào khu vực tư nhân ($\tau_2 = 0$) thì thu nhập tư bản đạt giá trị tối đa. Giá trị này cao hơn mức thu nhập của tư bản trong nền kinh tế hoạt động tự do. Khi thuế suất đánh vào khu vực tư nhân tăng lên thì thu nhập của nhà tư bản giảm xuống song trong một dãy thuế suất nhất định $\tau_2 < \tau_2^*$ thu nhập của nhà tư bản vẫn lớn hơn mức thu nhập họ có được trong nền kinh tế hoạt động tự do. Sau giá trị tới hạn τ_2^* thì thu nhập của nhà tư bản sẽ nhỏ hơn mức thu nhập của họ trong nền kinh tế hoạt động tự do. Trong ví dụ trên giá trị tới hạn $\tau_2^* = 0,274$.

Như vậy dãy thuế suất trong khoảng $\tau_2 < \tau_2^*$ có tác động tích cực đến thu nhập của nhà tư bản vì mức thu nhập của họ luôn lớn hơn mức mà họ kiếm được trong nền kinh tế hoạt động tự do; ngược lại dãy thuế suất trong khoảng $\tau_2 > \tau_2^*$ có tác động tiêu cực đến thu nhập của nhà tư bản.

Đối với thu nhập của người lao động (Y_L): Khi chính phủ áp dụng chính sách thuế tối ưu thì mức thu nhập của người lao động luôn nhỏ hơn mức mà họ có được trong nền kinh tế hoạt động tự do. Đồng thời mức thu nhập này sẽ giảm xuống khi thuế suất tăng lên. Nói cách khác thuế luôn có tác động tiêu cực đến thu nhập của người lao động.

Doanh thu thuế của chính phủ, như dự

kiến, sẽ tăng lên khi thuế suất tăng. Chính phủ có thể sử dụng doanh thu thuế của mình với mục đích phân phối lại thu nhập, như trợ cấp phân bổ lại cho người lao động.

III. Kết luận

Một nền kinh tế đa khu vực với sự đa dạng trong các hình thức vận động kinh tế của chúng có thể là nguồn tiềm ẩn cho tính bất hiệu quả. Tính bất hiệu quả là sự thất bại trong việc đạt được mức sản lượng tiềm năng khi nền kinh tế sử dụng hết công suất song nguồn lực của chúng lại bị phân bổ không hiệu quả. Trong những trường hợp như vậy, chính phủ đóng một vai trò tích cực trong việc định hướng lại sự phân bổ nguồn lực và giúp nền kinh tế đạt được kết quả tối ưu. Một trong những chính sách mà chính phủ có thể thực hiện là chính sách tài khoá mà điển hình là chính sách thuế sản lượng. Nhận định được tính mất hiệu quả trong sự phân bổ nguồn lực, chính sách thuế tối ưu có thể được xác định để giúp khắc phục tính mất hiệu quả trên.

Bên cạnh đó, chính sách thuế tối ưu có thể tác động đến phân phối thu nhập giữa các thành phần kinh tế là nhà tư bản (người sở hữu vốn) và người lao động. Bằng cách thay đổi mức thuế suất, chính phủ có thể trực tiếp thay đổi mức thu nhập của các thành phần kinh tế. Hơn nữa doanh thu thuế có thể được sử dụng với mục đích phân phối lại thu nhập giữa các thành phần này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barro, R và X Sala-i-Martin, *Tăng trưởng kinh tế*, Mc-Graw Hill: New York, 1990
2. Lewis, Arthur, Phát triển kinh tế với lượng cung ứng không giới hạn của lao động, *Tạp chí The Manchester School of Economic and Social Studies* 22 (2), 1954, tr. 139-191
3. Solow, Robert, Một đóng góp tới lý thuyết tăng trưởng kinh tế, *Tạp chí Quarterly Journal of Economics* 70, 1956, tr. 65-94.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T. XX, N_o2, 2004

FISCAL POLICY IN A MULTI SECTOR ECONOMY MODEL

Dr. Dao Thi Bich Thuy

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

A notable feature of developing countries is the existence of multi sector economy in the form of state owned, collective, private, foreign owned economic sectors and so on. In various economic sectors, the differences in capital ownership, production technology, economic objectives and behavior can lead to different forms of economic performance among them. This variety in economic performance may create inefficiency in resource allocation which results in the failure to achieve the potential output when the economy is in its full capacity. This calls for the intervention of government. The government will play an important role in redirecting resource allocation in such a way as to help the economy to restore to its efficiency. One of the policy measures that government can use is to implement fiscal policy. Beside its positive effect on the efficient allocation of resources, fiscal policy (in particular, the optimal output tax policy) can have some impact on income distribution among various economic participants.